**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH**

**MA TRẬN ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 THPT CẤP TỈNH**

**NĂM 2024**

**Môn: Địa lí**

| **CHƯƠNG/PHẦN** | **NỘI DUNG** | **Số câu hỏi** | **SỐ LỆNH HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | | **Tổng số lệnh hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I** | | | **PHẦN II** | | | **PHẦN III** | | |
| **TH** | **VD** | **VDC** | **TH** | **VD** | **VDC** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **1. Địa lí tự nhiên Việt Nam** | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | **1** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống | **2** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | **2** |
| Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | **2** |  |  | 1 | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **5** |
| Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **2. Địa lí dân cư Việt Nam** | Dân số, lao động và việc làm | **1** |  |  |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **4** |
| Đô thị hoá | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **3. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam** | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **1** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | **2** |  | 1 |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **5** |
| Vấn đề phát triển công nghiệp | **2** |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | **2** |
| Vấn đề phát triển dịch vụ | **2** |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| **4. Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam** | Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên | **1** |  |  |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  | **4** |
| Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ | **1** |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |
| Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long | **1** |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | **1** |
| **5. Kĩ năng** |  | **6** |  |  |  |  |  |  | 2 | 3 | 1 | **6** |
| **Tổng** | | **28** | **2** | **9** | **7** | **8** | **4** | **4** | **2** | **3** | **1** | **40** |
| **Tỉ lệ %** | |  | **5,0** | **22,5** | **17.5** | **20,0** | **10,0** | **10,0** | **5,0** | **7,5** | **2,5** | **100,0** |

**MA TRẬN NỘI DUNG - NĂNG LỰC - CẤP ĐỘ TƯ DUY THI HSG LỚP 12 CẤP TỈNH**

| **Dạng thức** | **Chủ đề/Nội dung** | | **Năng lực Địa lí** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận thức khoa học**  **địa lí (NT)** | | | **Tìm hiểu địa lí (TH)** | | | **Vận dụng kiến thức,**  **kĩ năng đã học (VD)** | | |
| **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | | **Cấp độ tư duy** | | |
| ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** |
| **Dạng thức 1** | Câu 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | |  | X  NT1.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 2: Thiên nhiên phân hoá | |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| Câu 3: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa | |  |  | X  NT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 4: Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường | |  |  | X  NT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 5: Đô thị hoá | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 6: Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 7: Vấn đề phát triển công nghiệp | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 8: Vấn đề phát triển dịch vụ | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 9: Vấn đề phát triển dịch vụ | |  |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 10: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 11: Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 12: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống | |  |  | X  NT2.3 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 13: Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | |  |  | X  NT2.3 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 14: Vấn đề phát triển công nghiệp | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 15: Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | |  |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 16: Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở Bắc Trung Bộ | |  |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 17: Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ | |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 18: Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long | |  |  |  |  |  |  |  |  | X  VD3.1 |
| **Dạng thức 2** | Câu 1: Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên | a |  | X  NT2.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| b |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |  |
| c |  |  | X  NT2.2 |  |  |  |  |  |  |
| d |  |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 2: Nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; chọn được dạng biểu đồ thích hợp từ số liệu đã cho | a |  |  |  |  | X  TH1.7 |  |  |  |  |
| b |  |  |  |  | X  TH1.7 |  |  |  |  |
| c |  |  |  |  |  | X  TH1.7 |  |  |  |
| d |  |  |  |  |  | X  TH1.9 |  |  |  |
| Câu 3: Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản | a |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| b |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| c |  |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |
| d |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| Câu 4: Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên. | a |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |  |
| b |  | X  NT1.3 |  |  |  |  |  |  |  |
| c |  |  | X  NT2.5 |  |  |  |  |  |  |
| d |  |  | X  NT2.4 |  |  |  |  |  |  |
| **Dạng thức 3** | Câu 1 . Tính giờ múi | |  |  |  |  | X  TH1.6 |  |  |  |  |
| Câu 2 . Tính khoảng cách ngoài thực địa dựa vào tỉ lệ bản đồ | |  |  |  |  | X  TH1.6 |  |  |  |  |
| Câu 3. Tính nhiệt độ trung bình năm. | |  |  |  |  |  | X  TH1.7 |  |  |  |
| Câu 4 . Tính tỉ trọng đất nông nghiệp của nước ta cao gấp bao nhiêu lần đất chưa sử dụng. | |  |  |  |  |  | X  TH1.7 |  |  |  |
| Câu 5. Tính sản lượng khai thác chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm trong tổng sản lượng thủy sản. | |  |  |  |  |  | X  TH1.7 |  |  |  |
| Câu 6. Tính độ cao của ngọn núi | |  |  |  |  |  | X  TH1.7 |  |  |  |
| **TỔNG SỐ** | | | **0** | **8** | **21** | **0** | **4** | **6** | **0** | **0** | **1** |

**Tỷ lệ: (Thông hiểu: 12 lệnh hỏi (30%); Vận dụng: 28 lệnh hỏi (70%)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT NHO QUAN A** | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 THPT**  **Năm 2024**  **MÔN: ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
|  | *(Đề thi gồm 28 câu, trong 04 trang)* |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Chế độ nhiệt và ẩm của nước ta thay đổi chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

**A**. Vị trí địa lí và lãnh thổ, yếu tố địa hình và tác động của gió mùa.

**B.** Tác động của các loại gió, độ cao của địa hình và thảm thực vật,

**C**. Hướng của các dãy núi, tác động của bão và độ cao của dãy núi.

**D**. Hướng nghiêng chung của địa hình, dòng biển, độ cao địa hình.

**Câu 2.** Nam Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

**A**. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc, bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới.

**B**. bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, gió mùa Tây Nam và gió phơn Tây Nam.

**C**. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương dển, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.

**D**. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

**Câu 3.** Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta vào mùa đông có nhiều biến động thời tiết chủ yếu do tác động của

**A**. Tín phong bản cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc và hoạt động của frông.

**B**. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của trông và hưởng của các dãy núi.

**C.** hoạt động của trông, gió mùa Đông Bắc và các dãy núi vòng cung.

**D.** vùng đồi núi rộng và Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của frông.

**Câu 4**. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ có nên nhiệt cao hơn vùng khí hậu Đông Bắc Bộ chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

**A**. Tác động gió mùa Đông Nam với bức chân địa hình, gió phơn vào mùa hạ.

**B**. Gió Tây khô nóng kết hợp với dãy Hoàng Liên Sơn, gió mùa Đông Bắc yếu.

**C**. Ảnh hưởng của gió phơn, gió mùa Đông Bắc kết hợp dãy Hoàng Liên Sơn.

**D**. Tác động của Tín phong bán cầu Bắc, dãy Hoàng Liên Sơn với các gió mùa.

**Câu 5**. Ở miền khí hậu phía Bắc, trong mùa Đông, khu vực Tây Bắc ấm hơn khu vực Đông Bắc vì

**A**. nhiệt độ thay đổi theo độ cao núi và theo hướng của địa hình.

**B**. bức chắn địa hình ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**C**. khu vực Tây Bắc không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**D**. vùng Tây Bắc có địa hình thấp và nhiều núi cao hơn Đông Bắc.

**Câu 6.** Trình độ đô thị hóa ở nước ta hiện nay chưa cao chủ yếu do

**A.** sản xuất còn chậm hiện đại hóa, ngành nghề ít, nông nghiệp vẫn là ngành chính.

**B.** công nghiệp hóa chậm, kinh tế nhiều hạn chế, cơ cấu kinh tế chậm chuyển dịch.

**C.** lao động tự do nhiều, tỉ lệ lao động thất nghiệp còn cao, công nghiệp không đều.

**D.** mật độ dân số cao, các nguồn đầu tư chưa tốt, ngành công nghiệp phát triển chậm.

**Câu 7.** Trong hoạt động nông nghiệp của nước ta, tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ

**A**. áp dụng nhiều hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng.

**B.** cơ cấu sản phẩm nông nghiệp ngày càng đa dạng.

**C.** đẩy mạnh hoạt động vận tải, áp dụng rộng rãi công nghiệp chế biến nông sản.

**D.** các tập đoàn cây con được phân bố phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng.

**Câu 8.** Trong công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của

**A.** tiến bộ khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo.

**B.** nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**C.** chính sách nhà nước và cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

**D.** tài nguyên thiên nhiên và nguồn lao động dồi dào.

**Câu 9.** Nguyên nhân chủ yếu nào giúp hoạt động sản xuất nông nghiệp ngày càng thuận lợi hơn, tạo ra giá trị và chất lượng sản phẩm tốt hơn?

**A.** Khoa học và công nghệ ngày càng hiện đại, phát triển.

**B.** Các điều kiện tự nhiên và thị trường tiêu thụ thuận lợi.

**C.** Các cơ sở chế biến phát triển rộng khắp, lao động có kinh nghiệm.

**D.** Thu hút nhiều vốn đầu tư và chất lượng lao động tăng lên.

**Câu 10.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất để phát triển hoạt động nuôi trồng thuỷ sản nước lợ ở nước ta là có nhiều

**A.** bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn. **B.** vùng nước quanh đảo, quần đảo.

**C.** ô trũng rộng lớn ở các đồng bằng. **D.** sông suối, kênh rạch, ao hồ.

**Câu 11.** Đặc điểm nổi bật của của hình thức sản xuất trang trại trong nông nghiệp là

**A.** sản xuất tập trung, có quy mô lớn, tạo ra nhiều lợi nhuận.

**B.** chủ yếu phục vụ tiêu dùng, phân bố rộng, nguồn vốn lớn.

**C.** quy mô đất đai lớn, đa dạng các nông sản, thâm canh cao.

**D.** chuyên môn hóa, năng suất cao, huy động vốn từ gia đình.

**Câu 12.** Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng loại hình du lịch ở nước ta hiện nay?

**A.** Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách trong, ngoài nước.

**B.** Nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và điều kiện phục vụ.

**C.** Định hướng ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.

**D.** Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng.

**Câu 13.** Trong thời gian gần đây, những nguyên nhân chủ yếu nào làm cho tình trạng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long diễn ra nghiêm trọng hơn?

**A.** Địa hình thấp, trũng và ba mặt giáp biển.

**B.** Mùa khô kéo dài, nền nhiệt cao quanh năm.

**C.** Ba mặt tiếp giáp biển, mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt.

**D.** Ảnh hưởng của El Nino, xây dựng hồ thuỷ điện ở thượng nguồn.

**Câu 14**. Biện pháp nào sau đây là chủ yếu để đẩy mạnh phát triển cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A**. Tập trung đầu tư, phát triển việc chế biến, mở rộng thị trường.

**B**. Tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật.

**C**. Đào tạo và hỗ trợ việc làm, hạn chế tình trạng du canh du cư.

**D**. Đa dạng cơ cấu cây trồng, tăng năng suất, đẩy mạnh xuất khẩu.

**Câu 15.** Giải pháp chủ yếu để tăng lượng khách du lịch quốc tế đến với vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung

**A.** tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch, bảo vệ môi trường.

**B.** bảo vệ môi trường, phát triển đa dạng các loại hình du lịch.

**C.** phát triển đa dạng các loại hình du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng.

**D.** đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch.

**Câu 16.** Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài có vai trò như thế nào đối với sự phát triển công nghiệp theo ở Đông Nam Bộ?

**A.** Mở rộng sản xuất, giải quyết việc làm và thúc đẩy các ngành sản xuất khác phát triển.

**B.** Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng diện tích đất trồng, đa dạng hóa các sản phẩm.

**C.** Mở rộng thị trường tiêu thụ, liên kết nhiều quốc gia, hoàn thiện cơ sở vật chất kĩ thuật.

**D.** Sử dụng hợp lí nguồn lao động, hội nhập quốc tế sâu rộng và bảo vệ môi trường.

**Câu 17.** Phương hướng tất yếu thúc đẩy phát triển hoạt động logistics của vùng Đồng bằng sông Hồng là

**A.**  thúc đẩy chuyển đổi số, tạo động lực tăng trưởng mới.

**B.** tăng cường liên kết vùng, tận dụng lợi thế sẵn có.

**C.** khai thác hiệu quả nguồn lực, cơ sở vật chất.

**D.** phát triển các dịch vụ hỗ trợ, cắt giảm chi phí.

**Câu 18:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** thu hút nguồn vốn đầu tư, tăng cường thu nhập cho người lao động.

**B.** thúc đẩy xây dựng khu kinh tế ven biển, tạo việc làm, tăng thu nhập.

**C.** giải quyết việc làm cho người lao động, tạo các mặt hàng xuất khẩu.

**D.** cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, thu hút vốn đầu tư.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Đọc đoạn thông tin sau:

*“Sự phân hoá phức tạp và sự đa dạng của cảnh quan tự nhiên Việt Nam là kết quả của lịch sử phát triển không đồng đều ở các bộ phận khác nhau trên lãnh thổ, phụ thuộc vào sự tác động tương quan của hai nguồn năng lượng chủ yếu quyết định động lực của các quá trình địa lí. Đó là năng lượng bức xạ mặt trời và năng lượng bên trong của Trái Đất.”*

*(Nguồn: Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (Phần Khu vực), NXB Đại học Sư phạm, 2024, tr.7)*

**a)** Thiên nhiên nước ta có sự phân hoá đa dạng và phức tạp.

**b)** Sự phân hoá thiên nhiên ở nước ta chủ yếu do các nhân tố nội lực.

**c)** Thiên nhiên nước ta chỉ có sự phân hoá theo quy luật phi địa đới.

**d)** Sự phân hoá thiên nhiên ở nước ta do cả nhân tố nội lực và ngoại lực.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 làm cải tiến năng lực sản xuất thúc đẩy sự phát triển kinh tế theo xu hướng tăng cường ký kết các hiệp định… Xu thế này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến cầu lao động và yêu cầu về kỹ năng trình độ thay đổi nhanh chóng.

**a)** Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế ở nước ta có chuyển dịch chủ yếu do tác động của cách mạng khoa học kĩ thuật.

**b)** Trong quá trình phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 , lao động nước ta có nhiều lợi thế để tiếp thu khoa học, công nghệ mới.

**c)** Với sự phát triển nhanh chóng của thành tựu khoa học công nghệ hiện đại, nhiều lao động ở một số ngành nghề có nguy cơ mất việc làm có khả năng chuyển sang lĩnh vực sản xuất khác thuận lợi.

**d)** Người lao động cần chủ động nâng cao trình độ nhằm thích ứng với thị trường lao động đòi hỏi tay nghề cao, nhiều kĩ năng, khả năng thích ứng tốt.

**Câu 3.** Cho đoạn thông tin sau:

Năm 2022, sản lượng thủy sản nước ta đạt 9 108 nghìn tấn, tăng 3,2% so năm 2021. Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5 233,8 nghìn tấn; trong đó sản lượng cá nuôi trồng đạt 3 503,4 nghìn tấn; sản lượng tôm nuôi trồng đạt 1 145,4 nghìn tấn. Khai thác thủy sản đạt 3 874,4 nghìn tấn, giảm 65,9 nghìn tấn so với năm 2021. Trong sản lượng khai thác, thủy sản biển đạt 3 670,6 nghìn tấn.

*(Nguồn: Sách Niên giám thống kê năm 2022)*

**a)** Năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác nhỏ hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

**b)** Trong sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2022, sản lượng cá nuôi chiếm dưới 60%.

**c)** Cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta từ năm 2021 đến năm 2022 có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỉ trọng thủy sản nuôi trồng, tăng tỉ trọng thủy sản khai thác.

**d)** Sản lượng thủy sản nước ta hiện nay tăng chủ yếu do đẩy mạnh đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Tây Nguyên là một trong những vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn của nước ta. Vùng có cơ cấu cây công nghiệp khá đa dạng, bao gồm cả cây công nghiệp nhiệt đới như cà phê, hồ tiêu, cao su, điều,... và cây công nghiệp cận nhiệt như chè.

**a)** Cà phê là cây công nghiệp lâu năm quan trọng của Tây Nguyên, được trồng nhiều nhất ở tỉnh Đắc Lắk.

**b)** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hoá theo độ cao thuận lợi để Tây Nguyên đa dạng cơ cấu cây công nghiệp.

**c)** Hiệu quả kinh tế trong sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên được nâng lên do đẩy mạnh chế biến và ứng dụng công nghệ, kĩ thuật.

**d)** Phát triển cây công nghiệp lâu năm góp phần tạo tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, thúc đẩy phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng…

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Một điện tín đánh từ Hà Nội (Việt Nam - 1050Đ) lúc 13 giờ ngày 02/4/2024, 1 giờ sau trao cho người nhận tại Washington (Hoa Kì - 750T). Hỏi người nhận ở Washington lúc đó là mấy giờ? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của giờ)*.

**Câu 2:** Khoảng cách thực tế từ TP. Ninh Bình tới TP. Hà Nội là 96km, vậy khoảng cách trên bản đồ tỉ lệ 1: 3000000 giữa hai thành phố là bao nhiêu cm? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của cm)*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021**

*(Đơn vị: 0C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Nhiệt độ** | 16,9 | 20,9 | 22,5 | 25,6 | 29,7 | 31,6 | 30,8 | 30,5 | 28,7 | 24,6 | 22,5 | 19,4 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của 0C)*

NGUYETDIAQV1@GMAIL.COM

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu sử dụng đất năm 2000 và 2021 của nước ta**

*(Đơn vị : %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2021** |
| Đất nông nghiệp | 30,5 | 35,3 |
| Đất lâm nghiệp | 46,4 | 46,5 |
| Đất chuyên dùng và đất ở | 7,4 | 8,3 |
| Đất chưa sử dụng | 15,7 | 9,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Cho biết năm 2021 tỉ trọng đất nông nghiệp của nước ta cao gấp bao nhiêu lần đất chưa sử dụng? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của lần)*

**Câu 5.** Năm 2021, sản lượng thủy sản khai thác của Đông Nam Bộ là 374,1 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng là 144,2 nghìn tấn. Hỏi sản lượng khai thác chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm trong tổng sản lượng thủy sản? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*.

**Câu 6.** Biết trên vị trí (sườn đón gió) ở độ cao bằng ½ chiều cao của núi A đang có nhiệt độ là 21,02 °C, thì trong cùng thời điểm đó ở chân núi (sườn khuất gió) nhiệt độ là 400C. Hãy tính độ cao của đỉnh núi A *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m)*

**----HẾT---**

**TÊN FILE : 8\_Diali\_TR1\_HSG12\_2024\_DE\_SO\_01**

**TỔNG SỐ TRANG LÀ: 11 TRANG.**

Họ tên người ra đề thi : **PHẠM DOÃN TÂM**

Đơn vị công tác : **Trường THPT Nho Quan A**

Số điện thoại : 0397096639

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI RA ĐỀ THI**  ***(Họ tên, chữ ký)*** | **NGƯỜI THẨM ĐỊNH VÀ PHẢN BIỆN**  ***(Họ tên, chữ ký)*** | **XÁC NHẬN CỦA BGH**  ***(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)*** |
| **Phạm Doãn Tâm** | **Phạm Thị Ngần** |  |